

MỘT SỐ KỸ THUẬT GÂY HỨNG THÚ CHO SINH VIÊN TRONG GIỜ NGỮ PHÁP TIẾNG ANH

● PHẠM THỊ MINH THÚY

TÓM TẮT:

Giờ học ngữ pháp của sinh viên (SV) không chuyên thường khá thụ động và buồn tẻ do nhiều nguyên nhân, trong đó có 2 nguyên nhân cơ bản, đó là: các nguyên tắc ngữ pháp thường khô khan, khó nhớ và động cơ học tập của SV chưa cao. Sự hứng thú trong học tập là một trong những nhân tố quan trọng góp phần vào sự thành công của người học, đặc biệt là đối với môn ngoại ngữ. Bài viết giúp người đọc có cái nhìn tổng quan về hứng thú và tầm quan trọng của hứng thú trong học tập tiếng Anh, từ đó đề xuất một số kỹ thuật dạy học tạo hứng thú cho SV trong giờ học ngữ pháp để giúp các em thành công hơn trong bộ môn tiếng Anh.

Từ khóa: động cơ học tập, ngữ pháp tiếng Anh, kỹ thuật dạy học.

1. Động cơ học tập

Tại sao có một số người học thành công trong khi số khác lại không? Nếu ta biết được câu trả lời cho câu hỏi này thì việc dạy và học một ngôn ngữ sẽ dễ dàng hơn nhiều. Dưới đây là ý kiến liên quan đến động cơ và hứng thú học tập trong học tiếng Anh được lược trích từ “The Practice of English Teaching” (Harmer J., 1991).

Động cơ thường được xem như sự thúc đẩy bên trong khuyến khích ai đó theo đuổi một hành động nào đó. Nếu ta đạt được mục tiêu (có nghĩa là điều ta mong đạt được) và nếu mục tiêu đó đủ lôi cuốn, nó sẽ thôi thúc ta làm bất cứ điều gì cần thiết để đạt được mục tiêu đó. Những người học ngôn ngữ

có động cơ sẽ đạt được mục tiêu với nhiều loại khác nhau. Ta có thể xét đến sự khác nhau giữa mục tiêu ngắn hạn và mục tiêu lâu dài. Mục tiêu lâu dài có thể liên quan đến mong muốn có được một công việc tốt trong tương lai, hoặc có thể giao tiếp với người bản xứ. Mục tiêu ngắn hạn có thể là chỉ để đậu kỳ thi kết thúc học phần, hay muốn học cho xong một bài nào đó trong giáo trình.

Nói chung, những SV có động cơ với mục tiêu lâu dài có thể dễ dạy hơn những SV không có động cơ như vậy (và vì thế không có sự thúc đẩy thực sự từ bên trong). Đối với những SV như thế, mục tiêu ngắn hạn thường là cái họ hướng tới.

Ta có thể chia động cơ thành 2 loại chính: động

cơ ngoài lớp học, liên quan đến các yếu tố bên ngoài lớp học và động cơ trong lớp học, liên quan đến những gì xảy ra trong lớp học.

1.1. Động cơ ngoài lớp học

Có 2 yếu tố chính liên quan đến động cơ này, gồm: động cơ được tìm hiểu nền văn hóa bản xứ (integrative) và động cơ công cụ (instrumental).

1.1.1. Động cơ được tìm hiểu nền văn hóa bản xứ

Đối với loại động cơ này, SV cần được lôi cuốn bởi nền văn hóa bản xứ và ở mức độ cao nhất là họ muốn hòa mình vào nền văn hóa đó, thấp hơn đó là mong muốn được biết càng nhiều càng tốt về nền văn hóa bản xứ.

1.1.2. Động cơ công cụ

Thuật ngữ này miêu tả tình huống, trong đó SV tin việc nắm vững được ngôn ngữ đích sẽ là công cụ để họ có được một công việc, một vị trí hay chức vụ tốt.

Nhiều yếu tố khác cũng có tác động đến mức độ động cơ bên ngoài của một SV và hầu hết những yếu tố này liên quan đến thái độ của SV đó đối với ngôn ngữ đích. Thái độ này cũng bị tác động bởi những người có ảnh hưởng đến SV đó: nếu bố mẹ có thành kiến với (văn hóa) ngôn ngữ đó, thì điều này có tác động tiêu cực đến động cơ của SV đó, và ngược lại. Bạn cùng lớp, hoặc đồng lứa cũng có tác động tương tự đến động cơ học tập của SV.

Một yếu tố khác tác động đến thái độ của SV, đó là việc học ngôn ngữ trước đây của họ. Nếu họ đã học thành công, họ có thể tiếp tục thành công trong hiện tại và ngược lại.

GV làm gì với động cơ ngoài lớp học và thái độ của SV? Rõ ràng ta không thể tạo ra những điều này được, vì chúng đến từ bên ngoài lớp học. Cũng dễ nhận thấy SV phải chuẩn bị để chịu trách nhiệm cho việc học của riêng họ. Nhưng ta cũng có thể nỗ lực để đảm bảo được quan điểm tích cực của người học về ngôn ngữ và việc học ngôn ngữ đó. Có thể làm điều này bằng cách tạo ra một thái độ tích cực đối với ngôn ngữ và người nói ngôn ngữ đó.

1.2. Động cơ trong lớp học

Động cơ trong lớp học đóng một vai trò quan trọng trong thành công hay thất bại của một SV học

tiếng. Nhiều SV đến lớp không có động cơ ngoài lớp học nào cả. Thậm chí họ có cảm giác tiêu cực về việc học ngôn ngữ. Đối với những SV này, những gì xảy ra trong lớp học sẽ có tầm quan trọng trong việc quyết định thái độ của họ đối với ngôn ngữ. Sau đây là một số yếu tố tác động đến động cơ trong lớp học.

1.2.1. Điều kiện vật chất

Không thể phủ nhận điều kiện vật chất có tác động lớn đến việc học và có thể thay đổi động cơ học tập của một SV theo hướng tích cực hoặc tiêu cực. Phòng học không đủ sáng và chật chội là một yếu tố khiến động cơ học tập của SV liên tục giảm. Bảng viết cũng quan trọng không kém: có dễ nhìn không? Bề mặt bảng có ở trong tình trạng tốt không?... Nói chung, GV nên cố gắng tạo cho điều kiện lớp học càng dễ chịu càng tốt.

1.2.2. Phương pháp

Phương pháp giảng dạy có tác động rất lớn đến động cơ người học. Nếu phương pháp giảng dạy không hấp dẫn sẽ làm giảm động cơ học tập của SV và ngược lại, nếu SV cảm thấy hứng thú với phương pháp của GV, họ sẽ cảm thấy có động cơ học.

1.2.3. Giáo viên

SV có thích GV hay không có thể không quan trọng. Đôi khi 2 GV sử dụng cùng một phương pháp cũng có thể đưa đến những kết quả rất khác nhau. Như vậy làm thế nào ta có thể đánh giá những đặc tính GV cần có để thúc đẩy động cơ bên trong lớp học?

Denis Girard đã thực hiện một nghiên cứu nhằm trả lời câu hỏi trên. Ông đã đưa ra một danh sách gồm 10 đặc tính và yêu cầu một số SV xếp chúng từ mức quan trọng nhất (i) cho đến ít quan trọng nhất (x): (i) GV khiến cho lớp học thú vị; (ii) GV dạy phát âm chuẩn; (iii) GV giải thích rõ ràng; (iv) GV nói tiếng Anh hay; (v) GV quan tâm đến tất cả SV trong lớp như nhau; (vi) GV khiến tất cả SV tham gia tiết học; (vii) GV có tính kiên trì cao; (viii) GV khuyến khích nói; (ix) GV buộc SV làm việc; (x) GV sử dụng phương pháp nghe - nói.

Những SV được hỏi cũng liệt kê thêm một vài đặc tính khác mà họ nghĩ là quan trọng, cụ thể như:

GV thể hiện sự thông cảm đối với SV; GV công bằng với tất cả SV (giỏi cũng như yếu); GV thúc đẩy SV tự tin.

Có một nghiên cứu khác quy mô nhỏ hơn được thực hiện bởi Harmer (1991), trong đó tác giả phỏng vấn GV và SV suy nghĩ của họ về những yếu tố nào “hình thành nên một GV giỏi”. 2 yếu tố mà hầu hết GV cũng như SV đề cập đến là quan hệ của GV đối với SV và tính cách của GV. Hầu hết đều mong muốn GV luôn vui vẻ và hiểu SV. Nhưng nhiều người cũng muốn GV thúc đẩy động cơ học tập của SV thông qua những tiết học vui vẻ và thú vị.

Như vậy, nghiên cứu của Girard và cả nghiên cứu nhỏ được đề cập bên trên đã có được một vài phát hiện như sau.

Trước hết, cá tính của GV có ảnh hưởng rất lớn (tuy nhiên đây là lĩnh vực khó nhất để có thể định lượng và rèn luyện). Ngoài yếu tố đó ra, GV cần làm mọi điều có thể để tạo được mối quan hệ tốt với SV. Một mặt tạo không khí lớp học thú vị và có động cơ; mặt khác đối xử với SV giống như nhau (một trong những SV tham gia trả lời câu hỏi phỏng vấn cho rằng một GV giỏi là một GV hay gọi những SV không thường xuyên giơ tay xung phong) và đáp ứng được mong đợi từ phía người học. Hầu hết những yếu tố này phụ thuộc vào việc chú ý hơn đến người học chứ không phải GV.

Sau nữa là GV cần thể hiện rõ năng lực chuyên môn và kiến thức của mình về môn học. GV nên có hướng dẫn và ví dụ minh họa đủ rõ để làm sáng tỏ các câu hỏi từ phía SV.

2. Tác dụng của việc sử dụng games

Theo nhận định của Amato (1988) được trích trong Huang, F. (1996), “Games làm giảm bớt sự căng thẳng, nhờ vậy việc tiếp thu kiến thức sẽ dễ dàng hơn đối với người học”.

Domke, D. (1994) khẳng định, “Games có thể giúp người học nhút nhát có nhiều cơ hội hơn để trình bày ý kiến và suy nghĩ của mình. Games cũng có thể giúp người học nắm bắt những kiến thức mới về ngôn ngữ họ đang học, những kiến thức mà không phải lúc nào cũng có trong một giờ học điển hình”.

Theo ý kiến của Lee, S.K. (1995), có rất nhiều ích lợi trong việc đưa games vào các giờ học tiếng, có thể liệt kê như sau: Games là thời điểm mà người học mong đợi sau giờ học căng thẳng; Games là động cơ thúc đẩy người học “chuyển động”, là hoạt động có tính thử thách; Học một ngôn ngữ đòi hỏi người học có nỗ lực lớn; games giúp họ có được và duy trì nỗ lực ấy; Games tạo cơ hội cho người học rèn luyện những kỹ năng khác nhau; Games khuyến khích người học giao tiếp thực sự với nhau; Games tạo ra ngữ cảnh hiệu quả cho việc sử dụng ngôn ngữ.

Tương tự như vậy, để khẳng định hiệu quả của việc đưa games vào các tiết học tiếng, Mccallum, G.P (2000) đưa ra một vài lý do như sau: Game tập trung sự chú ý của người học vào những cấu trúc đặc biệt, những mẫu văn phạm, và những “mục” từ đặc biệt; Games có tác dụng như một bài ôn tập và giúp người học làm giàu vốn từ; Games tạo sự tham gia bình đẳng cho cả nhóm người học nhanh” và người học “chậm”; Games tạo nên không khí ganh đua lành mạnh, tạo “sân chơi” để học viên sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên, sáng tạo; Games có thể được sử dụng trong bất cứ tình huống nào, cho bất cứ kỹ năng nào; GV có thể nhận thấy được kết quả ngay lập tức.

Như vậy, qua những ý kiến trên cho thấy việc đưa games vào các tiết học tiếng mang lại hiệu quả đặc biệt. Games mang lại nhiều ích lợi và hiệu quả trong việc học tiếng vì “Trước tiên, nó mang đến cho người học sự thư giãn và giải trí để người học có thể học và nhớ dễ dàng hơn. Hai là, games tạo ra bầu không khí cạnh tranh “thân thiện” và duy trì ở người học sự thích thú. Điều này là động cơ thúc đẩy người học tham gia tích cực, chủ động vào các hoạt động học tập. Ba là, games mang ngữ cảnh vào lớp học và khuyến khích người học sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và có tính giao tiếp cao”.

3. Lợi ích của việc sử dụng bài hát

Có nhiều lý do cho việc sử dụng các bài hát trong lớp học tiếng. Bài hát thường là một công cụ hiệu quả nhằm thúc đẩy quá trình học của SV, là

cơ hội cho SV giải lao sau một thời gian học tập. Bài hát có thể là một phần quan trọng trong việc dạy tiếng Anh, giúp SV nhận ra các âm nhanh hơn và không khí lớp học trở nên thú vị và tích cực hơn. Tuy nhiên, GV cần chọn lựa bài hát phù hợp với trình độ của SV và xem xét liệu bài hát đó có phù hợp với SV không vì có nhiều bài hát không phù hợp cho việc dạy ngôn ngữ do có một số chỗ phát âm sai hoặc cấu trúc thiếu chính xác. Bài hát là một cách hữu hiệu để dạy tiếng Anh theo lối “vừa học vừa chơi” vì chúng tích hợp được tất cả các kỹ năng: Nghe (bài hát) - nghe bài hát để xác định từ; Đọc (đọc các lời ca để xác định từ); Viết (điền vào ô trống) - Đọc các lời ca; Nói (hát bài hát);...

Dưới góc độ vai trò của những bài hát trong việc dạy ngữ pháp, bất cứ nguyên tắc ngôn ngữ nào cũng buộc phải được “ngữ cảnh hóa”. Bài hát là một trong những công cụ GV có thể dễ dàng sử dụng trong các lớp học giao tiếp bằng lời. Bài hát tạo ra sự thay đổi cho các hoạt động mang tính thói quen trong lớp. Đây là một công cụ có giá trị trong việc phát triển khả năng nghe, nói, đọc, viết cho SV. Đồng thời, từ những bài hát cũng có thể thiết kế các bài tập để dạy nhiều khía cạnh ngôn ngữ khác nhau như cấu trúc câu, từ vựng, phát âm, ngữ điệu, tính từ, và trạng từ. Học tiếng Anh nói chung, và học ngữ pháp nói riêng thông qua các bài hát cũng khiến cho SV có môi trường học tập “an toàn” hơn là trong một lớp học mang tính “qui củ” - tại đó SV thường cảm thấy căng thẳng khi muốn nói tiếng Anh. Có nhiều ích lợi từ việc sử dụng bài hát trong

lớp học vì bài hát thường khó quên và có khả năng thúc đẩy cao, trong nhiều hình thức, chúng có thể bao gồm cả một nhóm văn hóa có tính ảnh hưởng trong lời hát hay phong cách nhạc. Hơn nữa, thông qua việc sử dụng những bài hát dân gian, kiến thức của SV về nền văn hóa của ngôn ngữ đích được mở rộng. Nếu các bài hát truyền thống được chọn lựa thích hợp, sẽ khuyến khích SV tìm hiểu những vẻ đẹp trong giai điệu và những câu chuyện hấp dẫn, và đối với nhiều SV còn có cả những nét độc đáo mới mẻ biết được từ những bài hát đó. Hầu hết những bài hát, đặc biệt là những bài hát dân gian, sử dụng hình thức lặp đi lặp lại, có ngữ điệu và có rất nhiều những đặc điểm mang tính dụng ngôn ngữ khác - chính những yếu tố này giúp người nghe dễ theo dõi.

4. Kết luận

Việc sử dụng một số thủ thuật trong giờ dạy ngữ pháp là cần thiết, giúp cho sự giao tiếp ở trong lớp học trở nên tự nhiên hơn và không khí lớp học cũng trở nên thú vị và thoải mái. Đây là yếu tố khá quan trọng, góp phần vào việc nâng cao động cơ học tập cho SV. Như vậy, GV là nhân tố quyết định đến sự thành công của lớp học. Họ phải sáng tạo trong việc tìm ra phương pháp thích hợp với đối tượng SV của mình. Chẳng hạn, GV phải sáng tạo trong việc đưa games vào lớp học sao cho phù hợp và có hiệu quả. Nếu GV không tổ chức tốt việc chơi games cho SV thì hiệu quả có thể ngược lại. Hoặc, khi cho SV nghe bài hát tiếng Anh thì GV phải xác định đúng mục đích cho SV nghe bài hát để làm gì thì thủ thuật này mới đem lại hiệu quả như mong muốn ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Domke. D. (1991). *Creative Activities for teaching English as Foreigner Language*. ERIC Digest.
2. Harmer J. (1991). *The Practice of English Language Teaching*. London: Longman.
3. Huang. F. (1996). The role of play in accelerated learning ambience in the teaching of foreign languages. *Teaching Review*.
4. Hadfield. J. (1996). *Elementary Communication Games*. London: Longman.

5. Lee. S.K. (1995). Creative games for the language class. *Forum*, 33(1).
6. Mccallum. G.P. (2000). *101 Games*. London: Cambridge University Press.

Ngày nhận bài: 26/8/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 16/9/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 12/10/2022

Thông tin tác giả:

PHẠM THỊ MINH THÚY

Khoa Ngoại ngữ

Trường Đại học Tài chính - Marketing

**SOME TEACHING TECHNIQUES
TO GENERATE LEARNING MOTIVATION
FOR STUDENTS DURING ENGLISH GRAMMAR LESSONS**

● **PHAM THI MINH THUY**

Faculty of Foreign Languages
University of Finance - Marketing

ABSTRACT:

Grammar lessons for non-specialized students are often quite boring due to many reasons. In which, grammar principles are often complex and difficult for learners to remember, and the learners usually do not have a high motivation to learn grammar. Many teachers have affirmed that the learning motivation is one of the most important factors contributing to the success learning outcomes of learners when they study something, especially foreign languages. This paper is to help readers have an overview of learning motivation and the importance of learning motivation in learning English. Some teaching techniques are introduced to generate learning motivation for students during English grammar lessons.

Keywords: learning motivation, English grammar, teaching techniques.